

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2020
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Thanh Tiền

2/. Bà Đỗ Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thai, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp HV, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2019, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D xác định giữa chị với anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục tại địa phương vào năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn chị D xác định: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi với nhau, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, không quan tâm lẫn nhau, nay chị nhận thấy vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D xác định vợ chồng chị chung sống với nhau được 02 người con chung tên Nguyễn Chí O, sinh ngày 18/02/2002 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 18/02/2002, hiện các con chung đã trưởng thành và đã đi làm tự lo cho bản thân nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ bên ngoài: Chị Nguyễn Thị D xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn không yêu cầu xem xét giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung đúng như lời trình bày của chị D; nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý, con chung đã trưởng thành nên anh không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung không có nên anh cũng không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T chưa chấp hành nghiêm giấy triệu tập của Tòa án đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh T chấp hành đúng giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Chị D và anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T.

Về con chung: Do 02 người con chung tên Nguyễn Chí O, sinh ngày 18/02/2002 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 18/02/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân gia đình thì chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị D có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị D.

[2] Về nội dung vụ án: Chị D và anh T chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến nay thì anh chị đã có con chung, nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị D và anh T là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị D và anh T không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị D xin ly hôn với anh T thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị D và anh T ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Do 02 người con chung tên Nguyễn Chí Ơ, sinh ngày 18/02/2002 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 18/02/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2/. Về con chung: D 02 người con chung tên Nguyễn Chí O, sinh ngày 18/02/2002 và Nguyễn Chí Đ, sinh ngày 18/02/2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007580 ngày 04 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện ĐH;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng D

